



Bồ Tát ở nhà,
Nên nguyện chúng sanh,
Biết nhà tánh không,
Khỏi sự bức ngặt.

*A Bodhisattva of the lay life,
Should vow that all living beings,
Will realize the empty nature of
the household,
And avoid oppression from it.*

Kính Hoa Nghiêm
Phẩm Tịnh Hạnh

Đọc trong số này

- ❖ **Khai Thị**
- Không Nên Tùy Tiện Hiện Thần Thông
- ❖ **Bài Ca Túí Đa**
- ❖ **Phương Diện Sinh Thái của Thực Hành Tịnh Độ**
- ❖ **Những Vong Linh Vô Tội**
- Nhận Thức Của Một Bác Sĩ Tâm Lý
- ❖ **Kinh Đà La Ni**
- ❖ **Thư Chân Hành Giả**
- Quá Nhiều Sân Hận Trên Thế Giới
- ❖ **Phật Tổ Đạo Ảnh**
- Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp
- ❖ **Hư Vân Hòa Thượng Họa Truyện**
#52. Phong Cơ Thoại Đầu Là Đây

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Association
www.dharmasite.net/bodehai
www.dharmasite.net/khaiithi
www.chuavanphat.org
www.bttsonline.org
www.cttbusa.org
www.drba.org

Không Nên Tùy Tiện Hiện Thần Thông Don't Show Off Your Spiritual Powers

Hòa Thượng Tuyên Hóa



Tôn giả Ma Ha Mục Kiền Liên là vị có thần thông đệ nhất. Nhưng đức Thế Tôn đã nhiều lần cảnh cáo Tôn giả không được tùy tiện hiển hiện thần thông. Tại sao? Bởi vì không phải ai ai cũng có thần thông. Nếu quý vị hiện thần thông một cách bừa bãi thì sẽ khiến người thế tục kinh sợ, rồi khiến họ mê thích thần thông, sùng bái thần thông. Thế thì người có thần thông sẽ được cúng dường nhiều, còn người không có thần thông thì chắc chẳng ai muốn cúng dường. Bởi vậy, đức Phật mới không cho đệ

Venerable Mahamaudgalayana was foremost in spiritual powers, but the World Honored One repeatedly warned him not to casually show off his spiritual powers. Why? Because not everyone has spiritual powers. If you indiscreetly manifest your spiritual powers, ordinary people will be amazed and infatuated by them and will worship them. Consequently, people with spiritual powers will have many people making offerings to them, while those who don't have them might

tử hiện thần thông, với dụng ý bảo hộ người tu hành đời sau này.

Người tu hành không nên tự khoe khoang về đức hạnh, chẳng hạn như nói rằng mình đã khai ngộ, mình là Tổ Sư hay là Bồ Tát. Đó là đại vọng ngữ, tương lai chết đi sẽ đọa địa ngục bát thiết (cắt lưỡi). Đây tuyệt đối không phải là những lời hý luận vu vơ. Chỉ những hạng người vô tri, vô thức mới có thứ hành vi tự mãn như thế. Ví như người nào đó thật sự giàu có, họ tuyệt đối sẽ không nói với người khác rằng: "Các anh có biết không? Tôi có bấy nhiêu hột xoàn, bấy nhiêu ngọc quý nè. Tất cả tài sản bảo vật trên thế gian, nếu so ra cũng không nhiều bằng của tôi đâu." Quý vị huênh hoang như thế tức sẽ trở thành mục tiêu cho bọn trộm cướp. Chúng nhất định sẽ chú ý đến quý vị và tìm cách cướp đoạt châu báu đó. Tu đạo cũng như vậy, không nên nói với người khác rằng: "Tôi có thần thông. Tôi có thể nghe Phật và Bồ Tát nói chuyện. Tôi có thể thấy Phật, Bồ Tát hiện ra trước mặt." Quý vị nói như thế tức là đã tạo cơ hội cho Ma Vương thừa dịp nhập vào hợp tác với quý vị, chỉ huy quý vị và khiến quý vị trở thành quyến thuộc của nó.

Bất luận gặp cảnh giới nào, người tu hành



cũng nên nhận rõ cảnh giới, chớ để cảnh giới xoay chuyển và nên dùng định lực để chuyển

not receive any offerings. Therefore, the Buddha forbade his disciples from casually displaying their spiritual, so as to protect cultivators of the future.

Cultivators should not praise their own virtue and say that they are enlightened, or claim to be Patriarchs or Bodhisattvas. Those are serious lies that will cause one to fall into the *Hell of Pulling Tongues*. This is no joke. Only people who don't know anything would behave in such a conceited way. Truly wealthy people never say to others, "You know what? I have all these diamonds and precious gems. I have more treasures than all the treasures in the world put together." If you advertise yourself like this, bandits will definitely target you and find a way to rob your treasures. The same thing happens in cultivation. You can't tell people, "I have spiritual powers. I hear the Buddhas and Bodhisattvas talking, and I see them appear before me." If you say that, you are giving the demon king an opportunity to come in and work with you, control your activities, and make you part of his retinue.

Cultivators should clearly recognize whatever states they encounter; they shouldn't let those states affect them, but should use Samadhi power to influence states. Don't make reckless claims or tell lies about having attained certain spiritual powers or seen certain states. You should know that such states are the mischief of demons, who want to destroy your resolve for the Way and make you go insane. These are signs of demonic possession; these states are not real. The section on the *Fifty Skandha-Demon States* in the *Shurangama Sutra* explains this very clearly. I hope you will investigate it thoroughly and not be fooled by such states. Otherwise it will be too late for regret.

People who investigate Chan should not get attached to states. It is said, "When the Buddha comes, slay the Buddha. When the demon comes, slay the demon." Slay anyone who comes, no

cảnh giới. Không nên hồ đồ, nói năng thiếu cẩn trọng, là mình chứng được thần thông gì, thấy được cảnh giới chi. Quý vị nên hiểu các cảnh giới đó đều là do ma tác quái, nó khiến quý vị mất đạo tâm mà phát cuồng. Đó chính là hiện tượng bị “tẩu hỏa nhập ma,” chứ không phải là cảnh giới thật. Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có nói rất rõ về năm mươi loại ám ma. Tôi hy vọng mọi người nên triệt để nghiên cứu thấu đáo để khỏi bị nhầm lẫn. Nếu không thì sau này có hối hận cũng không kịp.

Người tham thiền không nên chấp vào cảnh giới. Có câu: “Phật đến thì chém Phật, ma đến thì chém ma.” Bất luận ai đến, mình cũng chém hết. Đây chính là không chấp tất cả các pháp hữu vi, chẳng chấp tướng. Người tu hành cần phải nhất tâm dụng công. Họ không còn thời gian đâu mà để ý chuyện của người khác. Đừng cống cao ngã mạn, đừng tham danh háms lợi, nếu không, quý vị đã rơi vào cảnh giới của ma rồi vậy.

Gặp bất kỳ hoàn cảnh nào, người tu hành cũng không bao giờ được tự mãn, kiêu ngạo, cho rằng mình phi thường. Hãy thật cẩn trọng để không phạm phải sai lầm nào về lý nhân quả. Bằng không, hậu quả sẽ thật khó lường.

Người tu hành chủ yếu là tu giới thanh tịnh, tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý đều nên thanh tịnh. Người có thần thông, tuyệt đối không được nói là mình có thần thông; hà huống mình vốn không có thần thông mà lại dám nói dối, há đó không phải là tạo nhân đọa địa ngục sao? Điều đó quả thật là đáng sợ! Ai mà khẩu nghiệp không thanh tịnh thì sẽ chịu tội rút lưỡi ở địa ngục. Vậy chúng ta chớ nên liều lĩnh. Thời khắc nào cũng phải tự quản chế mình, không nên buông lung và chớ nói năng hồ đồ. Nếu chúng ta trồng nhân không thanh tịnh, tương lai chúng ta nhất định sẽ gặt quả không thanh tịnh.

Giảng ngày 6 tháng 6 năm 1981

matter who it is. This is not being attached to any conditioned dharmas or any marks and appearances. Cultivators should apply effort single-mindedly. They have no time to mind other people's business. Don't be arrogant, and don't be greedy for fame or benefits. If you have such thoughts, you have entered a demonic state.



No matter what the circumstances, cultivators should never become self-satisfied and arrogant, and think they are something special. They must be very careful not to make mistakes in cause and effect. Otherwise the consequences will be unimaginable.

Cultivators concentrate on upholding pure precepts in order to purify the three types of karma: physical, verbal, and mental. People with spiritual powers would certainly never admit that they have them; how much the less should people without spiritual powers make reckless claims. Wouldn't that just be creating the causes for falling into the hells? It's scary! If your mouth karma isn't pure, you'll undergo punishment in the *Hell of Pulling Tongues*. Don't be reckless. Always watch over yourself. Don't misbehave and talk a lot of nonsense. If you plant impure causes, you'll receive impure retributions.

A talk given on June 6, 1981

Bài Ca Túi Da

Hòa Thượng Hư Vân



Bài ca túi da⁽¹⁾, túi da hề!
 Trước thuở kiếp không⁽²⁾, chẳng sắc danh⁽³⁾,
 Quá Phật Uy-Âm thành ngăn ngại⁽⁴⁾.
 Ba trăm sáu chục dây gân kết,
 Tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông.
 Phân tam tài, hợp tứ đại,
 Đội trời đạp đất bao khí thế!
 Biết nhân quả, biện thời thế,
 Quán sát cổ kim chỗ tối tăm.
 Bởi gốc mê lầm chấp hư huyền,
 Lụy cha mẹ, luyến vợ con,
 Theo vô minh kết thành oan nghiệt.

Bài ca túi da, túi da hề!
 Uống rượu ăn thịt, loạn tâm tánh.
 Chạy theo dục lạc, thân bại hoại.
 Làm quan ý thể hiếp đáp dân
 Nghề buôn khôn khéo thành gian dối
 Phú quý kiêu sa được mấy hồi.

Nghèo khó hiểm nguy phút chốc tới.

Phân biệt ta người, thiếu bình đẳng,
 Hại vật, sinh linh, coi cỏ rác.
 Nghĩ suy thường nhật tham, sân, si
 Đường tà chìm nổi thành tự hoại
 Giết hại, trộm cắp, tà dâm, dối
 Nghiệp ác mặc tình, tùy sở thích
 Ngạo mạn thân hữu phân yêu ghét.
 Rửa trời đất, khinh miệt quý thần
 Chuyện sanh tử mê mờ tai hại
 Ra khỏi thân trâu, vào thai ngựa
 Đổi hình hài nào ai thương xót
 Chẳng tu phước, tạo nhiều bất thiện
 Sống cuồng, chết uống, mãi trôi lăn
 Ba nẻo ác, này địa ngục,
 Này quỷ, này thú, khổ tội cùng.
 Thánh hiền xưa, từng nhắc nhở
 Sớm tối chuông ngân động tâm can.
 Ác thiện, quả báo phân định rõ,
 Cảnh tỉnh thế gian lia ngũ trước.

Bài ca túi da, túi da hề!

Đã mang hình chẳng vì hình lụy,
Coi đời huyễn, giả danh, đối đãi
Sớm hồi tâm, an nhiên tự tại
Chẳng ham danh, chẳng ham lợi
Lìa gia đình, bỏ đời dục lạc
Dứt mọi tình duyên ái vợ con
Vào cửa Không, theo Phật giới,

Tìm minh sư, cầu khẩu quyết,
Tham thiền nhập định siêu ba cõi.
Âm thanh, sắc tướng, tắt mọi duyên
Thôi hết đua tranh đời thế tục.
Hàng phục sáu căn bật nghĩ suy.

Chẳng ta, chẳng người, chẳng phiền não.
Khác người trần than đời chóng vánh.
Áo cốt che thân, ăn khi đói.
Tạm nương nhờ, gìn giữ sắc thân.
Bỏ tài sản, khinh thân mạng
Như đám, dãi, nhỏ không do dự.
Giữ tịnh giới không sơ sót,
Ngọc trắng bằng trong, bốn oai nghi.
Mắng không giận, đánh không hận.
Nhấn điều khó nhấn chẳng bận lòng
Mặc nắng mưa, không gián đoạn
Thủy chung một niệm A Di Đà.
Không hôn trầm, không tán loạn
Xanh như tùng bá giữa trời đông.
Chẳng nghi Phật, không nghi Pháp
Thấy, nghe, biết tận điều chân thực.
Xuyên thủng bì, thấu da trâu⁽⁵⁾
Một tâm trong sáng hiện tròn đầy.
Ấy về nguồn! Ấy là giải thoát!
Ấy là thiên chơn, gốc nguyên sơ.
Chẳng phải trống không, chẳng không có.
Thấu lộ linh cơ bao mẫu nhiệm.
Đạt cảnh giới đó chẳng oan uổng.
Xong rồi! Nhân gieo nay đã trở
Mới xứng hùnh danh đại trượng phu
Đủ mười danh hiệu Thầy Vạn Đồi.
Ô hay! Cũng xác này hư huyễn
Mười phương thế giới hiện toàn thân.
Thiện ác rõ bày không lằm lẩn.

Cớ sao y giả chẳng nương chân?
Từ thái cực, phân lưỡng nghi
Tâm linh hoạt bát, chuyển càn khôn.
Kiếp xưa tu nay thành vua chúa.
Giàu có sang hèn bởi túc nhân
Đã có sanh, ắt là có tử.
Than thở chi, ai nấy đều hay.
Tiền cho vợ, lộc cho con
Tham sân làm hỏng đời mai hậu.
Đuổi theo danh, cầu được lợi
Uổng phí thời gian mười chín năm⁽⁶⁾.
Muôn ngàn vạn thứ chuyện trái ý,
Đọa đầy người thế lắm gian truân.
Cảnh già tới, mắt mờ tóc bạc
Uổng một đời điều thiện chẳng hay.
Ngày lại tháng, tháng lại năm
Luyện tiếc chẳng nguôi năm tháng qua.
Dám hỏi người đời ai sống mãi?
Chi bằng nương tựa bóng Từ vân.
Hoặc tại danh sơn, nơi thắng địa
Tiêu dao tự tại bước nhàn du.
Vô thường chớp nhoáng chi đáng kể,
Nghiền ngẫm đôi câu được dặn dò,
Niệm Di-Đà, dứt sanh tử.
Khinh khoái trong lòng chẳng giống ai.
Học tham thiền, vững tông chỉ
Tinh thần vô hạn chỉ bấy nhiêu.
Trà thanh, cơm đạm, tâm an tịnh
Một niềm vui pháp trọn đêm ngày.
Chẳng ta, chẳng người, chẳng này nọ
Thân, oán, khen, chê, coi bình đẳng.
Không chướng ngại, không xấu hổ.
Phật Tổ một lòng há chuyện chơi?
Thế Tôn cắt ái lên núi tuyết,
Quán Âm lìa nhà làm con Phật.
Đời Nghiêu Thuấn có Hứa, Sào
Nghe chuyện nhường ngôi vợ rửa tai.
Trương Tử Phòng, Lưu Thành Ý
Cũng bỏ công danh du sơn thủy.
Huống nay mặt kiếp, nhiều gian khổ
Thấy người xưa sao không tỉnh ngộ?
Theo vô minh, tạo thập ác.
Phí tâm cơ rước về tai họa.

Nào nạn đao binh, nào ôn dịch,
 Nạn đói chưa hết đến chiến tranh.
 Càng quái đản càng nhiều yêu nghiệt.
 Động đất, sóng thần, núi lở sụt.
 Rủi lâm cảnh huống biết làm sao!
 Kiếp xưa tạo ác là như vậy.
 Chẳng cho xứng ý lạc đường mê
 Gặp khi hoạn nạn khởi tâm lành.

Khởi tâm lành,
 Bước vào cửa Không, lễ Pháp Vương
 Sám hối nghiệp tội tăng thêm phước.
 Bái minh sư, cầu ấn chứng
 Thoát vòng sanh tử minh tâm tánh,

Khám phá vô thường lại là thường
 Đường tu, trong pháp lại có pháp.
 Hiền thánh khuyên đời để chữ lại
 Ba tạng Kinh điển tôn quý thay!
 Mấy lời tâm huyết, phơi gan ruột.
 Dám mong người thế giữ đường ngay.
 Xin đừng coi nhẹ, nên ghi nhớ!
 Hết lòng tu, kiến tánh có ngày.
 Tu gấp gáp, năng tinh tấn
 Gieo giống Bồ-đề là chánh nhân.
 Sanh về chín phẩm, Phật chứng giám
 Di-Đà tiếp dẫn đến Tây phương.
 Túi da bỏ lại, siêu thượng thừa.
 Bài ca túi da! Xin lắng nghe!



Chú thích:

1. Thân người được ví như cái túi da.
2. Kiếp không: Đây là một trong 4 kiếp mà thế giới trải qua. Đó là các kiếp thành, kiếp trụ, kiếp hoại, kiếp không, rồi một chu kỳ thành-trụ-hoại-không khác lại bắt đầu. Đây là thời kỳ thế giới chưa hình thành, vạn vật chưa sanh ra.
3. Chẳng có hình sắc, chẳng có tên gọi.
4. Phật Uy-Âm : Uy-Âm Pháp Vương là tên chung của vô số lượng vị Phật lần lượt xuất hiện theo chu kỳ các đại kiếp. Mỗi lần Phật Uy Âm trụ thì kiếp đó không có các khổ nạn, như nghèo khó, đói kém, ôn dịch, thiên tai v.v..
5. "Xuyên thủng bìa" ngụ ý đi sâu vào Kinh tạng, hiểu trọn nghĩa Kinh; "thấu da trâu" dụ cho nghĩa phá thủng màn vô minh, chứng được chân lý.
6. Hòa Thượng xuất gia lúc 19 tuổi.

Phương Diện Sinh Thái Của Thực Hành Tịnh Độ

Bài nói chuyện của Sư Cô Hằng Âm vào ngày 21 tháng 12 năm 2006 trong khóa Thất A Di Đà tại Vạn Phật Thánh Thành

Trích từ báo *Varja Bodhi Sea*, số ra tháng 2 năm 2007

Trong khi chúng ta niệm danh hiệu Phật và cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta cũng có thể cố gắng xây dựng Tịnh độ ngay trên trái đất này.

Có bao nhiêu người đã xem phim "*An Inconvenient Truth*" (Một Sự Thật Phiền Phức)? Bộ phim được cựu Phó Tổng thống Al Gore sản xuất. Dường như đa số những người ở đây chưa xem phim này. Chúng ta sẽ chiếu bộ phim này tại Phật Điện vào ngày 27 tháng 11, và sẽ có phần dịch sang Hoa ngữ nữa.

Bộ phim này chú trọng về vấn đề địa cầu bị nóng lên. Phim cho thấy cách sống hiện tại của chúng ta đang phá hủy thế giới như thế nào – các mỏm băng tan chảy, nước biển sẽ dâng cao 20 bộ (1 bộ bằng khoảng 0,3 m) và gây lụt nhiều vùng đông dân cư – nếu chúng ta không thay đổi cách sống của mình. Đây chắc chắn là thế giới Ta bà chứ không phải là Tịnh độ.

Al Gore đề nghị mười điều quý vị có thể làm để ngưng việc địa cầu bị nóng lên và làm giảm thiểu lượng khí CO2:

- Thay bóng đèn (dùng loại tiết kiệm năng lượng và ít hại môi sinh)
- Ít lái xe
- Tái chế biến nhiều hơn
- Kiểm tra bánh xe
- Dùng ít nước nóng
- Tránh dùng những sản phẩm có bao gói nhiều
- Điều chỉnh nhiệt kế (mở lò sưởi)
- Tắt những máy móc điện tử
- Trồng cây
- Trở thành phần tử giúp giải quyết vấn đề

Nhưng thật ra khí carbonic (CO2) có thể không phải là nguyên nhân chính của việc địa cầu bị nóng lên. Nhiều loại khí khác của nhà kính (greenhouse) còn giữ nhiệt mãnh liệt hơn nhiều, khí quan trọng nhất là mêtan (methane), mạnh hơn khí CO2 đến 21 lần. Nguồn sản xuất khí mêtan nhiều nhất trên khắp thế giới là kỹ nghệ chăn nuôi súc vật, sản xuất 100 triệu tấn khí mêtan hàng năm, và đang tăng thêm nữa bởi vì việc tiêu thụ thịt trên toàn thế giới đã gia tăng gấp năm lần trong vòng 50 năm qua. Kết luận: Trong cuộc đời của chúng ta, cách tốt nhất để làm giảm thiểu việc địa cầu bị nóng lên là làm giảm thiểu hoặc loại trừ việc tiêu thụ các sản phẩm động vật bằng cách trở thành người ăn chay hoặc người ăn chay nghiêm ngặt (vegan – không dùng trứng, sữa). ^[1]

Dĩ nhiên, việc yêu cầu con người trở thành người ăn chay thì khó khăn hơn vì rất khó thay đổi thói quen ăn uống của chúng ta. Đầu tiên chúng ta cần phải hiểu lý lẽ, và sau đó chúng ta có thể thay đổi hành vi. Cũng như trong *Kinh Hoa Nghiêm* được giảng trước đây, trong đó để cập bốn giai đoạn (tu tập) là *tin tưởng, hiểu rõ, thực hành và chứng đắc (Tín, Giải, Hạnh, Chứng)*, thì phần Kinh văn về giai đoạn *hiểu* rất dài, trong khi giai đoạn *thực hành* chỉ nói đến trong một phẩm.

Làm thế nào triết lý Phật giáo có thể đem lại sự thay đổi trong cách suy nghĩ và nếp sống đối với địa cầu?

Trong khi thái độ của người Thiên Chúa Giáo Tây phương là con người thống trị thiên nhiên và thiên nhiên hiện hữu để phục vụ cho mục đích của con người thì Đức Phật lại dạy rằng nhân loại là sự tái sinh từ các hình thức sống khác (như động vật) và chúng ta nên tôn trọng các hình thức của sự sống bởi vì chúng đều có tiềm năng trở thành giác ngộ. Hơn nữa, tất cả sinh vật về căn bản đều có mối liên hệ với nhau; và gây hại cho bất cứ sinh vật nào, chưa nói đến toàn hệ sinh thái, là gây hại cho chính mình.

Các giới luật của Phật giáo có thể áp dụng cho hoàn cảnh sinh thái, như là:

Giết hại: Thái độc tố vào không khí, nước, hoặc đất đai là giết hại chúng sanh một cách chậm chạp.

Trộm cắp: Đốn rừng hoặc phát triển những vùng thuần khiết là cướp đi chỗ ở và sanh mạng của nhiều chúng sanh.

Tham dục: Đào xới và tiêu thụ khối lượng khổng lồ về dầu hỏa, than đá và các khoáng sản cùng tài nguyên khác là cướp đi những kho tàng từ trái đất đã phát triển qua nhiều thiên niên kỷ và có thể những kho tàng này chủ yếu là dùng để nuôi dưỡng những thế hệ tương lai. Với mức độ sử dụng của chúng ta hiện nay, chúng ta sẽ xài hết trong vòng vài chục năm nữa. Những vết sẹo trên mặt đất do việc khai thác mỏ có thể so sánh với những vết sẹo để lại do những bạo hành do dao gây ra trên cơ thể con người. Có những người đã gọi đạo luật vừa được ban hành gần đây mở rộng Vùng Ẩn Náu Cho Sinh Vật Hoang Dã Quốc Gia Vùng Cực (Arctic National Wildlife Refuge) để khoan dầu là luật "Hãm hiếp Trái đất" ("Rape the Earth" bill).

Nói dối: Một số nhà chính trị, được ủng hộ bởi những nhóm có quyền lợi riêng tư đặc biệt hoặc các công ty thương mại lớn muốn khai thác thiên nhiên, sẽ tạo ra những điều dối trá và quên đi sự thật về sự phá hủy môi trường khi họ thông qua những đạo luật cho phép bỏ qua, giảm thiểu hoặc vi phạm những tiêu chuẩn bảo vệ môi sinh. Điều này có liên quan đến việc lừa gạt trái đất.

Chất độc hại: Các chất độc hại làm chặn đứng chức năng bình thường của tâm trí và cơ thể chúng ta. Do đó, theo định nghĩa, những thực phẩm bị biến đổi di truyền hoặc những thực phẩm pha trộn nhiều kích thích tố và hóa chất có thể xem là những chất gây độc. Những chất độc đổ xuống hồ, sông rạch, và nguồn nước ngầm dưới đất có thể xem như những chất độc hại thật sự giết hại chúng sanh và gây thương tích cho sức khỏe hệ sinh thái.

Hòa Thượng đã so sánh trái đất với cơ thể con người, sông rạch như là mạch máu, cây cối là tóc, nhiệt trong đất là sức nóng cơ thể, và động đất, thiên tai là triệu chứng bệnh. Nếu loài người xem trái đất như là một chúng sanh hay một hệ thống sống động thì chắc chắn họ sẽ đối xử trái đất với sự tôn kính và tránh những hoạt động gây hại cho trái đất.

Khi con người chấp nhận hệ thống giá trị Phật giáo và tiếp cận với cuộc đời, con người sẽ tránh các hành động nói trên và không tìm cách lấy đi những tài nguyên thiên nhiên để kiếm lợi. Thay vào đó, họ sẽ sống đơn giản và hài hòa với thiên nhiên cùng với tất cả chúng sanh. Để bảo vệ hệ sinh thái, họ sẽ ưa thích nền kinh tế địa phương có cơ sở trong cộng đồng sử dụng thực phẩm và tài nguyên sản xuất tại địa phương.

Như thế Vạn Phật Thánh Thành cũng giống như cõi Tịnh độ, trong đó chúng ta có nông trại hữu cơ thiên nhiên không những trồng trọt các thực phẩm hữu cơ mà còn giúp duy trì động vật hoang dã, chúng ta không cần phải lái xe trong khuôn viên chùa, chúng ta cố gắng tái sử dụng và tái chế biến hầu như mọi thứ.

Quan trọng nhất, mọi người ở đây đều cố gắng thanh tịnh hóa tâm mình.

Đến đây, tôi muốn chia sẻ vài câu chuyện về những động vật tu hành – để quay lại chủ điểm là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Vào năm 1980, tại Phúc Kiến có một cậu bé chăn trâu nói với con trâu rằng: “Ngày mai mày sẽ bị bán cho người ta để làm thịt.” Con trâu lập tức chảy nước mắt và quỳ hai chân trước xuống. Cậu bé chăn trâu gọi cha mẹ và mấy người quan chức địa phương đến xem, sau đó trâu quỳ xuống và xin được tha mạng. Mọi người đều thương xót, bèn cùng nhau quyên góp một số tiền để mua con trâu đó và đưa trâu đến một tu viện để phóng sanh. Sau khi trâu đến tu viện, trâu rất thích nghe giảng Kinh và lạy Phật. Mỗi khi thấy những người tại gia đến tu viện, trâu thường lạy cảm ơn họ. Vào cuối cuộc đời, trâu biết trước giờ mất, nó đi chậm chạp ra đồng và nằm xuống. Sau nửa ngày thì trâu vắng sanh. Đó là vào ngày 13 tháng 10 âm lịch năm 1993. Trâu được chôn ngay tại chỗ nó nằm chết.

Vào năm 1987, một con kết lông xanh, mỏ đỏ từ Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên được mang đến Chùa Bảo Đậu ở Nội Mong. Bởi vì con kết này ngu si, không nói tiếng người được, và hay mổ cắn những người tìm cách huấn luyện nó, nên chẳng được mấy ai ưa. Cuối cùng con kết được đem cho lão Cư sĩ họ Vương để nuôi. Cả nhà Cư Sĩ họ Vương đều là Phật tử thuần thành, ưa thích đủ loại động vật và thú vật nhỏ. Họ nuôi trong nhà những con chó, mèo, dê, bồ câu mà người ta ruồng bỏ. Sau khi con kết vào gia đình này, nó nghe bằng niệm danh hiệu A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát được mở suốt ngày, và tánh tình của nó trở nên dịu hiền hơn. Nhiều tháng sau, con kết mà trước đây không học nói được gì, nay bắt đầu niệm danh hiệu Phật! Nó niệm “Nam Mô A Di Đà Phật! A Di Đà Phật, Phật, Phật! Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát! Quán Âm Phật!” v.v... Giọng của nó rất rõ ràng và dễ nghe. Thường nó còn nói thêm “Niệm Phật lên! Anh niệm Phật! (Anh là tên của nó), A, Niệm Phật đi!”

Mỗi ngày khi chủ của nó tụng Kinh sáng và tối, con kết thường đi theo. Bất cứ khi nào có người tụng Kinh hay niệm Phật trong Phật Đường của nhà họ Vương, nó đều tham gia. Ngay cả khi chủ của nó niệm thầm trong tâm, con kết cũng biết và niệm lâu giống như chủ. Điều kỳ lạ nhất là ngoài việc niệm danh hiệu Phật, không ai có thể dạy nó nói điều gì khác. Gia đình họ Vương đón tiếp nhiều người đến nhà cùng tu tập với nhau, và hàng ngày có nhiều tiếng nói chuyện trong nhà. Tuy nhiên con kết không bao giờ học những câu thông thường như “Ông khỏe không? Xin mời ngồi,” là những câu người ta cố gắng dạy nó. Nó chỉ nói “Niệm Phật đi! Nam Mô A Di Đà Phật!”

Một ngày nọ vào tháng 5 năm 1998, con kết bị cái gì đó làm cho sợ sệt và sau đó ngừng ăn. Nó bị tiêu chảy liên tục cho đến ngày hôm sau. Khi gần cuối cuộc đời, nó cùng niệm danh hiệu Phật với chủ, và người ta có thể nghe tiếng niệm yếu ớt “Nam Mô A Di Đà Phật” từ trong cổ họng của nó. Sau khi vắng sanh, cơ thể nó vẫn mềm mại và lông vẫn sáng giống như đang còn sống. Cư sĩ họ Vương và cả gia đình ông hộ niệm cho nó suốt 12 giờ đồng hồ. Họ mời một vị Lão Pháp sư từ Ngũ Đài Sơn đến chủ trì lễ hỏa táng, hơn một trăm cư sĩ nghe chuyện và đến tham dự. Đó là một buổi lễ trang trọng. Sau khi hỏa thiêu, người ta tìm thấy lưỡi của con kết vẫn còn nguyên vẹn và hơn 20 mẫu xá lợi trắng như ngọc với những đốm đỏ li ti, cùng hàng chục xá lợi tử.

Câu chuyện này, cùng với nhiều câu chuyện khác về những con vật trong Phật giáo cho thấy từ sinh vật khôn ngoan nhất đến sinh vật ngu si nhất, tất cả đều có thể được lợi ích của việc niệm danh hiệu Phật. Câu chuyện này cũng cho thấy rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể trở thành Phật.

<http://www.dharmasite.net/PhuongDienSinhThaiThucHanhTinhDo.htm>

Chú thích:

1 “Mohr, Noam” Chiến Lược Mới Làm Nóng Toàn Cầu: Làm Thế Nào Những Nhà Môi Sinh Bỏ Sót Việc Ăn Chay Là Dụng Cụ Hữu Hiệu Nhất Chống Lại Sự Thay Đổi Khí Hậu Trong Cuộc Đời Chúng Ta”, tháng 8, 2005 Báo Cáo của Earthsave International (Quốc Tế Cứu Vãn Địa Cầu).

Nhận Thức Của Một Bác Sĩ Tâm Lý

· Bác Sĩ Tâm Lý Trang Nhữ Trinh (Ya-Jen Chuang)

Trích từ Những Vong Linh Thai Nhi Vô Tội – VPTT Xuất Bản

<http://www.dharmasite.net/NhungVongLinhThaiNhiVoToi.htm>

Sau khi nghe những câu chuyện của một bệnh nhân bị *Rối Loạn Lương Cực* (Bipolar Disorders), tôi nhận ra tại sao Hòa Thượng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trì giới...



Tôi làm quen với những bài thuyết giảng của Hòa Thượng khoảng bốn năm về trước. Vào khoảng thời gian này, tại Đài Loan đang có dịch bệnh SARS. Thật ra, bệnh SARS giống như các loại bệnh về hô hấp, rất nguy hiểm và dễ lây đã được Hòa Thượng đề cập trong những bài thuyết pháp. Là người làm việc trong ngành sức khỏe, tôi có nỗi lo sợ mỗi khi ra khỏi bệnh viện nơi tôi đang làm việc. Bởi vì tôi có thể bị cách ly nếu tôi bị sốt dù là loại nhẹ nhất, do đó tôi rất ít đi đến bất cứ nơi nào. Vào lúc đó Di tôi gửi cho tôi những sách báo có những bài thuyết giảng của Hòa Thượng và tôi bắt đầu nghiên cứu những bài giảng này. Hòa Thượng nói rằng những người trì tụng Chú Đại Bi và Chú Lăng Nghiêm sẽ không bị bệnh dịch lây nhiễm, từ đó tôi học Chú Lăng Nghiêm.

Khi tôi đọc những bài thuyết giảng của Hòa Thượng, tôi kinh ngạc về cách Ngài nói lên chân lý và xiển dương đạo đức, Ngài không theo những lễ thói truyền thống để vừa lòng người. Tôi sống trong xã hội Đài Loan nơi chân lý trở nên hiếm hoi trong khi đối trá thì mỗi ngày mỗi gia tăng. Lòng kính trọng của tôi đối với Hòa Thượng khởi lên một cách tự nhiên. Lời giảng dạy của Ngài dẫn tôi vượt qua những khó khăn và những tình huống dễ lầm lẫn trong nghề nghiệp của mình, chuyển hóa tôi từ một người chưa bao giờ đụng đến Kinh điển thành con người mong muốn khám phá kho tàng Kinh điển quý báu, và giúp tôi hiểu những bệnh tâm thần từ quan điểm của Phật Giáo. Ngài cũng chỉ cho tôi sự sai lầm của việc xem nhẹ giới luật và thay vào đó đã cho tôi hứng khởi để học hỏi và trì giới.

Sau khi tốt nghiệp, tôi đi vào ngành chuyên môn của mình với những mong đợi đầy lý tưởng. Tôi được làm việc bên cạnh những bác sĩ phân tâm thâm niên và đầy kinh nghiệm ở bệnh viện mà tôi hằng kính trọng. Thế nhưng, một hôm tôi nhận ra những đồng nghiệp của tôi đã dùng sự hồn nhiên và kính trọng tha nhân của tôi làm một điểm yếu để lợi dụng. Tôi đã trải qua trạng thái tâm lý bất ổn cao độ. Tôi bắt đầu tự hỏi có phải muốn thành công trong ngành, ngoài việc phát triển chuyên môn, tôi cần phải học cách lợi dụng điểm yếu của người khác để làm lợi cho mình. Tuy nhiên, tôi biết tôi không thể làm được điều đó. May mắn thay, Hòa Thượng nhấn mạnh sự quan trọng của việc tuân theo các quy tắc về đạo đức và luân lý. Ngài cũng chỉ ra rằng chúng sinh sống trong thời Mạt pháp rất thường hay tranh chấp; do đó những hành vi nhằm làm lợi mình bất chấp sự thiệt hại của người khác rất phổ biến. Những lời giảng dạy của Ngài đã tái xác nhận niềm tin ban đầu của tôi và cho phép tôi phân biệt rõ ràng giữa cái đúng và cái sai trong chỗ làm việc, cho nên tôi không còn bị phiền toái bởi những tranh giành hay thị phi.

Lớn lên ở Đài Loan, là sinh viên, tôi phải học những sách cổ Trung Hoa (viết bằng chữ Hoa cổ điển). Tuy nhiên, tôi không hiểu nhiều lắm. Tôi đã phải đoán mò trong những kỳ thi cho những lớp này. Trước khi gặp lời dạy của Hòa Thượng, tôi đã học giáo lý Phật pháp, đã tham dự nhiều khóa tu thiền và niệm Phật; nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc học Kinh vì Kinh viết bằng chữ Hoa cổ điển, tôi tưởng rằng tôi sẽ không thể nào hiểu được trong kiếp này. May mắn thay, Hòa Thượng đã dùng ngôn ngữ đơn giản dễ hiểu khi giảng Kinh, vì thế tôi thể nghiệm được rằng sự súc tích của Kinh đã vượt xa kiến thức thế gian của chúng ta. Tôi cũng nhận thức được rằng Kinh đang nói về cách chúng ta suy nghĩ và hành động ngay trong đời sống hàng ngày, và sự nhận thức này khơi dậy lòng thích thú muốn nghiên cứu Kinh điển của tôi và mong muốn khám phá kho tàng Kinh điển này.

Là một bác sĩ phân tâm lâm sàng (làm việc trực tiếp với bệnh nhân), tôi đã gặp vài trường hợp bệnh tâm thần không thể chữa trị được; ngay cả sau khi dùng tất cả các phương pháp tâm lý trị liệu và những thuốc mới nhất. Khi gặp những bệnh nhân như thế, tôi không thể giúp gì cho họ, do đó tôi cảm thấy phần nộ và bất lực. Hòa Thượng có nói rằng những người bị rối loạn tâm thần thường là do phạm phải những nghiệp chướng trầm trọng, do đó những chúng sinh mà họ đã gây hại hay thiếu nợ cứ theo đuổi họ để tìm cách trả thù hay đòi nợ. Hơn nữa, con người cần có công đức và căn lành mới gặp được thiện pháp. Dựa trên đạo lý này, khi thảo luận với các bệnh nhân của mình về những sinh hoạt hằng ngày của họ, tôi chú trọng khuyến khích họ làm việc thiện nhiều hơn, như làm các việc thiện nguyện, điều đó sẽ giúp họ tạo công đức. Tôi cũng can ngăn họ để đừng phí phạm thì giờ đi tìm những khoái lạc.

Hòa Thượng cũng đề cập rằng “đồng tính luyến ái” là sai trái. Tuy nhiên trong khoa phân tâm học, vấn đề đồng tính luyến ái không còn được xem là một sự lệch lạc tâm thần nữa. Tôi cũng có một số bạn bè và bệnh nhân là “đồng tính luyến ái”. Tôi nhớ trong một bài thuyết giảng của thầy Hằng Thật có nói rằng khi Hòa Thượng gặp những người đồng tính luyến ái, Ngài sáng suốt và từ bi giúp họ về phương diện giảm thiểu dục tính. Tôi mang lời dạy này làm hướng dẫn trong việc điều trị bệnh nhân hay giao tiếp với những bạn bè đồng tính luyến ái. Trên thực tế, không phải tất cả kiến thức đều đúng. Vì thế, tôi rất may mắn được học Phật pháp và giáo pháp của Hòa Thượng, và sử dụng giáo pháp này để tham cứu và suy tư về những kiến thức thế gian mà tôi dùng hằng ngày.

Trước kia tôi không hiểu những lý do của việc giữ giới, do đó tôi đã hoài nghi về việc giữ giới. Tôi tự hỏi, nếu tôi giữ giới chỉ vì những người khác đều làm như thế, thì làm sao việc giữ giới giúp tôi trong việc tu hành? Tuy nhiên, sau khi biết được Hòa Thượng nhấn mạnh về việc giữ giới và lắng nghe những câu chuyện của bệnh nhân, tôi đã hiểu được sự quan trọng của việc giữ giới.

Tôi xin chia sẻ với quý vị về những câu chuyện của một số bệnh nhân của tôi. Tôi có một bệnh nhân chừng bốn mươi tuổi bị *Rối Loạn Lưỡng Cực Loại I* (Bipolar I Disorder). Ông kể cho tôi nghe là khi còn trẻ, ông nghi ngờ người bạn gái của mình không chung thủy, và không cần bằng chứng, ông đã giết người bạn gái đó. Ông bị án tù, sau khi mãn hạn tù, ông bắt đầu một cuộc đời mới. Ông làm việc rất siêng năng, lập gia đình và nuôi nấng hai đứa con mà ông rất thương yêu. Nhưng đến khi ông có thể hưởng thành quả do công sức siêng năng của mình thì ông ngã bệnh. Ông được chẩn đoán là bị *Rối Loạn Lưỡng Cực Loại I*. Sự rối loạn tâm thần này là một loại bệnh tâm thần trầm trọng, cơ hội bình phục rất mong manh. Vợ ông nộp đơn ly dị và mang mấy đứa con đi mất. Kết quả là người bệnh nhân này đau khổ cùng cực.



Một thí dụ khác là về một số nữ bệnh nhân bị *Rối Loạn Lưỡng Cực Loại II* (Bipolar II Disorder). Khi tôi hỏi họ đã từng phá thai trong quá khứ hay không thì mới biết rằng bảy người trong số mười người này đã từng phá thai. Loại bệnh rối loạn lưỡng cực này có hai giai đoạn: giai đoạn *Thích đến điên cuồng* (Hypomanic Episode) và giai đoạn *Buồn đến vô vọng* (Major Depressive Episode). Khi đang ở trong giai đoạn *Thích đến điên cuồng* thì bệnh nhân cảm thấy hưng phấn, luôn tìm cách thỏa mãn những ao ước khác nhau và không cần biết những hậu quả nguy hại có thể xảy ra do hành động của mình. Ví dụ, họ có thể mua sắm không kiểm chế được và cuối cùng bị ngập nợ, hoặc họ qua đêm với người lạ mặt. Trong giai đoạn *Buồn đến vô vọng*, bệnh nhân cảm thấy buồn chán, vô vọng. Vô vọng đến độ họ thấy đời sống không còn giá trị hay ý nghĩa gì nữa. Những cảm giác này có thể đưa họ đến việc tự sát.

Một câu chuyện để lại ấn tượng sâu đậm trong tôi là về một người đàn bà trẻ đẹp có người chồng luôn yêu thương bà và hai đứa con ngoan. Sau nhiều năm làm việc chuyên cần, sau cùng người bệnh nhân và chồng có được cuộc sống tốt đẹp, có nhà, xe hơi và con cái. Chẳng may, người vợ mắc chứng *Rối Loạn Lưỡng Cực Loại II*. Bà phải nhập viện mấy lần, nhưng các phương pháp trị liệu đều không hiệu quả lắm. Mặc dù bà biết làm sao để sống một đời sống bình thường nhưng lại không làm được vì mắc căn bệnh này. Khi tôi hỏi đến câu hỏi là bà đã từng phá thai hay không thì bà bảo tôi rằng trước khi kết hôn, bà đã một lần có thai, vì họ chưa kết hôn và sợ việc có thai ngoài hôn nhân sẽ làm cha mẹ bị mang tai tiếng nên họ đã chọn phá thai thay vì giữ lại thai nhi.

Một thí dụ khác là về một bệnh nhân chừng ba mươi tuổi bị bệnh *Rối Loạn Trầm Cảm Nặng* (Major Depressive Disorder) cứ tái đi tái lại. Cô bệnh nhân có một gia đình đáng hoàng. Chồng cô là kỹ sư vi tính biết chăm sóc vợ và hai con. Con gái của cô mới chỉ học tiểu học, nhưng cô bé rất hiểu biết. Mỗi khi cô phải nhập viện, cô bé đều gửi thư qua ba cô bé nhờ nhắn với mẹ là cô yêu và nhớ mẹ lắm. Sau khi cô về nhà, con gái của cô luôn ở bên cạnh cô để bầu bạn, khuyến khích và làm cô hài lòng với cung cách xử sự rất ngoan của nó. Tuy nhiên, khi cô có triệu chứng lên cơn bệnh trầm cảm, cô luôn tự hành xác. Mỗi khi cảm thấy thật buồn bực hay đau khổ, cô tự đâm đầu vào tường hay tự cắt thân thể mình; và tự giải tỏa nỗi đau trong tâm thần bằng cái đau thể xác. Trong những thời kỳ trạng thái bất thường gia tăng, cô làm như vậy mỗi ngày. Khi được hỏi, cô cho biết cô đã từng phá thai. Mặc dù tôi không biết có phải bệnh tình của cô phát sinh từ việc phá thai hay không, nhưng tình trạng của cô thật đáng buồn.

Sau khi nghe những câu chuyện này, tôi nhận thức được tại sao Hòa Thượng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ giới. Nếu con người có thể giữ giới, thì những việc giết hại đó sẽ không xảy ra, và họ sẽ không phải chịu đựng sự đau khổ của quả báo. Do đó, tôi quyết tâm học và giữ giới. Năm nay tôi có đủ may mắn được thọ Bồ Tát giới ở chùa Vạn Phật Thánh Thành.

Mặc dù tôi chưa bao giờ được diện kiến Hòa Thượng, nhưng giáo lý của Ngài không ngừng hướng dẫn tôi vào con đường đúng đắn trong cuộc đời. Tôi tin vào tất cả các chỉ dẫn của Hòa Thượng, và từng bước cố gắng đem thực hành những điều Ngài giảng dạy.

Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni

Đời Đường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Đạt Ma dịch

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng thuật tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco, Hoa Kỳ, năm 1969

(tiếp theo)

“TỤNG TRÌ THỦ ĐÀ LA NI GIẢ, KHẨU TRUNG SỞ XUẤT NGÔN ÂM, NHƯỢC THIỆN NHƯỢC ÁC, NHẤT THIẾT THIÊN MA, NGOẠI ĐẠO, THIÊN LONG QUỲ THẦN VĂN GIẢ, GIAI THỊ THANH TỊNH PHÁP ÂM, GIAI Ứ KỲ NHÂN KHỞI CUNG KÍNH TÂM, TÔN TRỌNG NHƯ PHẬT.”

“Người trì tụng Đà La Ni này, khi miệng thốt ra lời nói gì, hoặc thiện hoặc ác, thì tất cả thiên ma, ngoại đạo, thiên long, quỷ, thần, đều nghe thành tiếng Pháp âm thanh tịnh, đối với người đó khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.”

[Quán Thế Âm Bồ-tát lại bảo Đại Phạm Thiên Vương:] **“Người trì tụng Đà La Ni này...”** Nếu quý vị chỉ nhớ Chú Đại Bi, học Chú Đại Bi một cách đơn thuần mà thôi chứ không tụng cũng không trì thì chẳng có tác dụng gì cả! Quý vị cần phải trì tụng! “Tụng” tức là lìa khỏi sách vở, không nhìn vào sách vở mà đọc tụng; còn “trì” nghĩa là kiên trì, đều đặn, không gián đoạn. “Trì tụng Đà La Ni” tức là mỗi ngày đều tụng niệm—chẳng phải là hôm nay tụng niệm, rồi ngày mai thì không tụng niệm, đến ngày mốt lại tụng niệm tiếp... Quý vị hôm nay tụng 108 biến, thì ngày mai cũng phải tụng 108 biến, ngày mốt cũng phải tụng 108 biến—ngày ngày phải liên tục, đều đặn, tinh tấn tụng niệm, không hề ngưng nghỉ—như thế mới gọi là “trì tụng”; nếu gián đoạn thì chẳng phải nghĩa “trì tụng” vậy!

Có người nói rằng: “Tôi thuộc rồi, tôi thuộc nằm lòng Chú Đại Bi rồi, cần gì phải tụng niệm nữa!” Song le, như thế thì không có công dụng gì cả! Quý vị cần phải “triêu ư tư, tịch ư tư,” nghĩa là buổi sáng thì tu hành như thế, buổi tối cũng tu hành như thế, không hề gián đoạn, chẳng có mây may lười biếng, trễ nải—đó mới đích thực là “tụng trì Đà La Ni” vậy! Đà La Ni này chính là “tổng trì Đại Bi Chú.” “Tổng trì” có nghĩa là “tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa”; và cũng có nghĩa là tổng trì ba nghiệp thân, khẩu, ý, không sai phạm. Quý vị nếu thân không gây tạo sát, đạo, dâm; tâm không sanh khởi tham, sân, si; miệng không nói lời hung ác, dối trá, thêu dệt, đâm thọc, như vậy gọi là “tam nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh,” và mới đúng là một hành giả chân chánh trì tụng Đà La Ni. Nếu quý vị thường xuyên tụng niệm Chú Đại Bi, **“khi miệng thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác...”** Người trì niệm Chú Đại Bi thì vốn đã không nên có những lời lẽ độc ác, bất thiện rồi, song cũng có đôi khi do vô tình mà trót phạm phải tội ác khẩu, **“thì tất cả thiên ma, ngoại đạo, thiên long, quỷ, thần đều nghe thành tiếng Pháp âm thanh tịnh.”** Nói như thế không có nghĩa là: “A! Tôi cứ tha hồ mắng chửi người khác, bởi những lời ác độc, nguyên rủa, cũng là ‘thanh tịnh Pháp âm’ kia mà!” Không phải như thế! Nếu vô hình trung quý vị ngẫu nhiên gây tạo nghiệp ác khẩu, thì ngay lúc bấy giờ, đối với những người khác, đương nhiên đó vẫn là lời nói hiểm ác; nếu như người nào nghe mà không biết đó là lời nói hiểm ác, thì người ấy đích thị là một kẻ chẳng biết phân biệt thiện ác vậy!

Ở đây là nói đến các thiên nhân, thiên ma, hàng ngoại đạo, chúng rồng ở cõi trời, hoặc các quỷ thần, mặc dù họ có thể có Ngũ Thông, nhưng thần lực bất khả tư nghì của Chú Đại Bi sẽ khiến cho nhĩ căn của họ bị gián đoạn; cho nên âm thanh mà họ nghe thấy toàn là “Pháp âm thanh tịnh,” đối với họ đều là lời thuyết Pháp.

“Đối với người đó khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.” Ngày ngày họ đối với người tụng Chú này đều nhất mực cung kính và trân trọng lễ bái. Họ tôn trọng người tụng Chú Đại Bi này như tôn trọng mười phương chư Phật đời quá khứ vậy!

“TỤNG TRÌ THỬ ĐÀ LA NI GIẢ, ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN TỨC THỊ PHẬT THÂN TẠNG, CỬU THẬP CỬU ƯC HẰNG HÀ SA CHƯ PHẬT SỞ ÁI TÍCH CỐ.”

“Người nào trì tụng Đà La Ni này, nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý.”

“Người nào trì tụng Đà La Ni này, nên biết người ấy chính là tạng Phật thân.” Mọi người nên biết rằng người này, kẻ có thể trì tụng Chú Đại Bi, chính là “Phật thân tạng,” có nghĩa là nhất định sẽ thị hiện thân Phật. Vì sao vậy? Đó là nhờ sức gia trì của Tam-muội. Tuy rằng người trì tụng này chưa thành Phật, song người ấy cũng có thể khiến cho chân tướng của mình được sáng chói như thân của Phật vậy—đây chính là sức mạnh do sự gia trì Chú Đại Bi, là sự trợ lực từ công đức tụng trì Chú Đại Bi! Thế nhưng, trì tụng Chú Đại Bi thì quý vị cần phải theo quy cũ, khuôn phép; không được nói rằng: “Tôi là Phật thân tạng,” rồi có thể tùy tiện, buông lung.

Vì sao người ấy là “Phật thân tạng”? **“Vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý.”** Chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đều đã phát nguyện rằng: “Ta sẽ gia hộ cho người trì tụng thần chú Đại Bi Đà La Ni này như hộ trì mười phương chư Phật vậy.”

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN TỨC THỊ QUANG MINH TẠNG, NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUANG MINH CHIẾU CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Quang Minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Quang Minh.” Quý vị tụng Thần Chú Đại Bi thì sẽ hiển xuất vô số ánh sáng, vì sao? **“Vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình.”** Bởi vì tất cả đức Phật trong mười phương đều phóng hào quang chiếu dọi đến thân của quý vị.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ TỪ BI TẠNG, HẰNG DĨ ĐÀ LA NI CỨU CHÚNG SANH CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Từ Bi, vì thường dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh.”



“Nên biết người ấy chính là tạng Từ Bi.” Người có thể tụng trì Chú Đại Bi là người có lòng đại từ đại bi, vì sao? **“Vì thường dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh.”** Bởi vì người đó thường dùng Đà La Ni để cứu hộ hết thảy chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh đều được ly khổ đặc lạc, tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, tội diệt phước sanh.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ DIỆU PHÁP TẠNG, PHỔ NHIẾP NHẤT THIẾT CHƯ ĐÀ LA NI MÔN CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Diệu Pháp, vì thâm nhiếp tất cả các môn Đà La Ni.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Diệu Pháp.” Quý vị phải biết rằng người trì tụng Chú Đại Bi chính là “nơi” tụ hội các diệu pháp; vì sao? **“Vì thâm nhiếp tất cả các môn Đà La Ni.”**

Thần chú Đại Bi Đà La Ni có công năng thâm nhiếp tất cả các môn Đà La Ni. Sự thâm nhiếp này cũng giống như nam châm hút sắt vậy, có thể nhiếp trì, thu hút tất cả các môn Đà La Ni về một chỗ. Cho nên, quý vị trì tụng Chú Đại Bi tức là đem tất cả diệu pháp thâm nhiếp về một chỗ với nhau vậy.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ THIỀN ĐỊNH TẠNG, BÁCH THIÊN TAM MUỘI GIAI HIỆN TIỀN CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Thiền Định, vì trăm, ngàn Tam-muội thảy đều hiện tiền.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Thiền Định.” Người có thể trì tụng thần chú Đại Bi chính là tạng Thiền Định. Vì sao người ấy được gọi là Thiền Định tạng? **“Vì trăm, ngàn Tam-muội thảy đều hiện tiền, cả trăm, ngàn Tam-muội đều có thể thường xuyên hiện ra.”**

“Trăm, ngàn Tam-muội thảy đều hiện tiền” không có nghĩa là cả trăm, ngàn Tam-muội đồng thời hiện ra, cũng không phải là không đồng thời hiện ra. Đó chính là một thứ cảnh giới vi diệu bất khả tư nghị, không diễn tả bằng lời nói được! “Tam-muội” chính là định lực; cả trăm, ngàn môn Tam-muội khác nhau đều có thể xuất hiện cùng một lúc.

Thế thì, nói “không đồng thời hiện ra” là thế nào? Bởi vì nếu quý vị hiển xuất một Tam-muội, nếu chỉ thành tựu được một loại Tam-muội mà thôi, thì đây không phải là “đồng thời hiện ra.” Tuy nhiên, có đôi khi, quý vị hiển xuất một loại Tam-muội mà có thể bao gồm được tất cả các Tam-muội khác, thì đó gọi là “đồng thời hiện ra” vậy.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ HƯ KHÔNG TẠNG, THƯỜNG DĨ KHÔNG HUỆ QUÁN CHÚNG SANH CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Hư Không, vì thường dùng Không Huệ quán sát chúng sanh.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Hư Không.” Quý vị phải biết rằng người trì tụng Chú Đại Bi này cũng giống như tạng Hư Không vậy, **“vì thường dùng Không Huệ quán sát chúng sanh.”** Người này luôn luôn dùng trí huệ rộng lớn như hư không để quán sát nhân duyên của chúng sanh.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ VÔ ÚY TẠNG, LONG THIÊN THIỆN THẦN THƯỜNG HỘ TRÌ CỐ.”

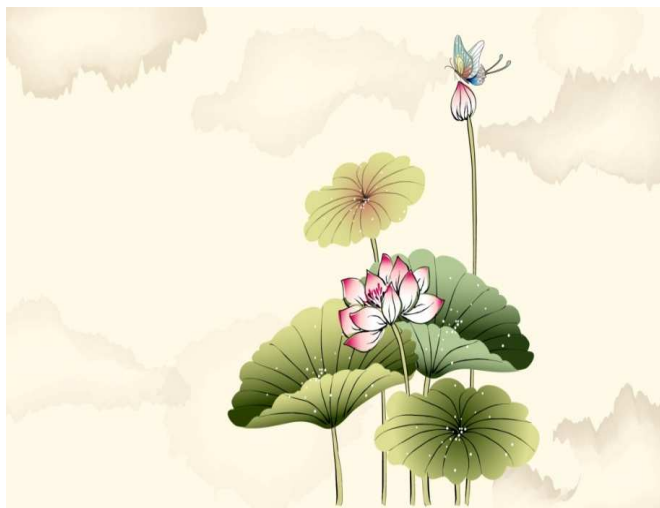
“Nên biết người ấy chính là tạng Vô Úy, vì Thiên, Long, thiện thần thường theo hộ trì.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Vô Úy.” Quý vị nên biết rằng người này--người trì niệm Chú Đại Bi—không còn lo âu sợ hãi, **“vì Thiên, Long, thiện thần thường theo hộ trì.”** Thiên Long Bát Bộ và tất cả thiện thần luôn luôn gia hộ cho người này.

“ĐƯƠNG TRI KỲ NHÂN THỊ DIỆU NGŨ TẠNG, KHẨU TRUNG ĐÀ LA NI ÂM VÔ ĐOẠN TUYỆT CỐ.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Diệu Ngũ, vì tiếng Đà La Ni trong miệng tuôn ra không dứt.”

“Nên biết người ấy chính là tạng Diệu Ngũ.” Quý vị nên biết người luôn luôn trì tụng Chú Đại Bi, ngày đêm không gián đoạn, chính là Diệu Ngũ Tạng. Những lời người này trì tụng đều là thứ ngôn ngữ bất khả tư nghì, **“vì tiếng Đà La Ni trong miệng tuôn ra không dứt.”** Người này lúc nào cũng niệm Chú Đại Bi Đà La Ni. “Không dứt” tức là luôn luôn, thường xuyên trì niệm.

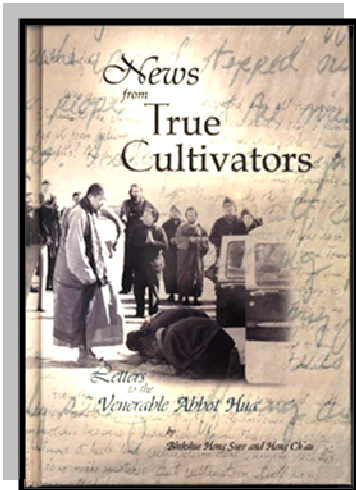


Trong quá khứ, tôi đã từng gặp rất nhiều vị Tỳ Kheo như thế—ngày đêm tinh tấn trì Chú Đại Bi, không nghĩ ngợi chuyện gì khác, họ chuyên cần trì niệm đến nỗi tất cả mọi vọng tưởng đều không còn.

(còn tiếp)

Chú thích:

Tam-muội Môn: Là sự khác biệt giữa nhiều thứ Tam-muội nên gọi là “môn”. Tam-muội mà Bồ-tát chứng được là nhập vào cửa Phật sẵn có vô lượng Tam-muội nên gọi là “môn”.



Thư Chân Hành Giả

Những lá thư hai thầy Hằng Thật và Hằng Triều viết cho Hòa Thượng Tuyên Hóa trong thời gian đi "Ba Bước Một Lạy" hơn 700 dặm trong 2 năm 9 tháng từ chùa Kim Luân ở Los Angeles đến Chùa Vạn Phật tại Talmage, California

(Nguyên Tác: **News From True Cultivators** published by the Buddhist Text Translation Society, Dharma Realm Buddhist University, City of Ten Thousand Buddhas, Talmage, California - 2003)

(tiếp theo)

Quá nhiều sân hận trên thế giới

Chủ nhật, ngày 29 tháng 5 năm 1977.

Xin Sư Phụ đừng lo lắng cho chúng con, thầy Hằng Triều và con đều mạnh khỏe cả. Chúng con đạt được một nhịp độ đều đặn và mỗi ngày lạy khoảng năm tiếng rưỡi tới sáu tiếng đồng hồ. Chúng con bắt đầu lạy lúc bảy giờ sáng, đến mười giờ rưỡi thì nghỉ một tiếng để viết thư và sửa chữa đồ đạc mang theo hay ngồi thiền, rồi lại khởi hành lúc một giờ trưa và lạy cho đến sáu giờ chiều, cứ sau mỗi tiếng đồng hồ thì có hai mươi phút nghỉ ngơi tịch tĩnh. Đến sáu giờ chiều, chúng con tìm chỗ đậu xe qua đêm, tắm rửa, ngồi thiền và chuẩn bị tụng Kinh tối. Chúng con nghe Kinh Hoa Nghiêm mỗi đêm, con đọc và dịch từ chương Một - vì chưa có máy khâu nên chúng con chưa thể nghe băng của Sư Phụ giảng được - và sau đó chúng con tụng bốn mươi chín biến (phần Tâm Chú của) Chú Lăng Nghiêm, rồi nghỉ ngơi, mệt như những đứa bé nô đùa ngoài sân cả ngày. Con quên nói thêm là chúng con dậy lúc bốn giờ sáng, làm lễ công phu khuya, tập thể dục, và chuẩn bị khởi hành vào khoảng bảy giờ sáng. Khi đến thành phố lại đằng sau, chúng con có thể tăng thêm giờ lễ lạy mỗi ngày.

Thế xác chúng con đã từ từ thích nghi với công việc. Mỗi tối đều mệt như và mỗi sáng đều sẵn sàng để đi tiếp. Chúng con đã tháo găng tay từ tuần trước vì cảm thấy mang như thế là không thành tâm lắm. Các vỉa hè này khá nhẵn nên chúng con sẽ không cần găng tay cho tới khi nào gặp phải những mảnh thủy tinh và đá sỏi trên ven đường. Chúng con cũng gỡ kính râm ra vì người ta cứ ngỡ chúng con là bọn cướp phi cơ (không tặc). Do lạy quá nhiều nên đầu gối bên trái của con bị bầm sâu, nhức nhối, thế nên con bắt đầu dùng miếng đệm bảo vệ đầu gối cho đỡ đau mấy hôm nay. Nhờ có miếng đệm, con mới có thể lạy được cả ngày - hôm qua chúng con lạy được sáu tiếng hai mươi phút. Khi vết bầm lành thì con sẽ lấy miếng vải đệm ra. Thầy Hằng Triều vẫn đội mũ để che những vết đốt xuất gia trên đầu, chúng sẽ lành nội trong một tuần. Chúng con dứt tuyệt mọi lời nói vô ích - phải bít kín lỗ thủng ấy.

Cả hai chúng con thật trông mong chuyển viếng thăm Los Angeles của Sư Phụ vào tuần tới. Chúng con khao khát được nghe chuyển Chánh Pháp Luân như trẻ con mong chờ cha mẹ. Tâm trí chúng con luôn hướng về Sư Phụ cùng Hội Hoa Nghiêm như đàn ong hướng về mật.

Chúng con đã lạy qua khu Beverly Hills và nay đang ở gần trường Đại học U.C.L.A. tại Westwood. Cuối tuần tới có lẽ chúng con sẽ ra khỏi Santa Monica và đến Xa lộ số 1, sẵn sàng để đổi xe van lấy xe đẩy và bắt đầu lộ trình dài về hướng bắc đến Vạn Phật Thành. Mỗi lần nghĩ tới Vạn Phật Thành, con lại mừng tượng đến một ngọn đuốc sáng rực trong đêm tối. Viễn cảnh của Sư Phụ về một thành phố Phật giáo đặt trên nền tảng của đạo lý chân và thiện là thứ lương dược tốt nhất cho tất cả chúng sanh. Đôi khi, trong lúc lạy ngang qua Los Angeles, con thấy xúc cảm đến rơi lệ - những giọt lệ sung sướng về triển vọng và thiện hảo dành cho phương Tây. Chúng ta có thể thay đổi đời mình và quay đầu hướng thiện; và giờ đây, chúng ta có được một con đường để đi, và con đường ấy sẽ mang chúng ta cùng cha mẹ, bạn bè già trẻ của chúng ta trở về một nơi thanh tịnh, quang minh, quân bình, hòa hợp. Con không quan tâm cho dù đoạn đường từ Los Angeles đến Vạn Phật Thành là 70.000 dặm thay vì 700 dặm. Con vẫn cảm thấy đi và lạy từng bước trên đường Đạo là niềm tin thiêng liêng của mình.

Đệ tử Hằng Thật kính cẩn dâng lễ.

(còn tiếp)

Thất Và Pháp Hội Tại Vạn Phật Thánh Thành Năm 2010



- **Thất A Di Đà** : từ Chiều 18 tháng 12 (Sái Tịnh Đạo Tràng) đến 25 tháng 12
- **Lễ Phật A Di Đà Đản Sanh**: Chủ Nhật 19 tháng 12
- **Ba Tuần Thiền**: từ Chiều 26 tháng 12, 2010 đến 16 tháng 1, 2011

Phật Tổ Đạo Ảnh

Giới thiệu:

Chư Tổ, tuy Ấn, Hoa có khác, nhưng cùng về thiên dung đạo mạo, rờ rờ sáng ngời, khiến người chiêm ngưỡng, với sạch lòng trần, thấy tướng liên ngộ tâm. Chỉ trong sớm tối, ngàn năm cùng quay về với chư Tổ trong đại quang minh tạng. Chẳng có đạo ảnh thì lấy gì làm nên chuyện đó? Khoảng đời Hồng Vũ, một số ham thích đạo, cả Tăng và tục, cùng nhau miêu họa đạo ảnh Phật và Tổ, từ Tôn giả Đại Ca Diếp đến các vị tôn túc cổ sơ trong nước, tính ra là 120 vị, rồi tàng trữ tại núi Ngưu Thử phía nam kinh đô. Nét bút tinh thần, phong độ cao khiết, nếu chẳng do sự kỳ diệu của tâm tư, cảm ứng đến chỗ u linh thì dễ gì có được bút pháp như vậy!

Sơ Tổ: Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp

Phiên âm Hán Việt:

Tôn giả bốn Ma Kiệt Đà quốc nhân, xuất Ba-la-môn thị, kỳ hình kim sắc. Kiến Phật xuất gia, ký độ chư hữu. Phật ư chúng trung xưng vi đệ nhất. Nhất nhật, Phật ư Linh sơn hội thượng niêm xuất nhất chi kim sắc bát-la hoa thị chúng. Thời đại chúng mặc nhiên, duy Tôn giả phá nhan vi tiếu. Phật viết: "Ngô hữu Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, phó chúc Ma Ha Ca Diếp." Phục dĩ kim lư Tăng-già-lê chúc viết: "Chuyển thọ đương lai Từ Thị Phật". Tôn giả tác lễ viết: "Cung y Phật sắc". Hậu Tôn giả dĩ pháp chuyển phó A Nan, tức trì Tăng-già-lê nhập Kê Túc sơn nhập định, dĩ si Từ Thị hạ sanh.



Dịch:

Tôn giả là người nước Ma Kiệt Đà, thuộc dòng Bà La Môn, mang thân hình sắc vàng. Khi gặp Phật, Tôn giả xin xuất gia, mong độ các chúng sanh. Giữa đại chúng Phật gọi Tôn giả là đệ tử bậc nhất. Một hôm, tại hội Linh Sơn, Phật cầm bông hoa bát-la sắc vàng nhìn đại chúng. Lúc ấy, mọi người đều lặng yên, duy một mình Tôn giả thì nét mặt rạng lên mỉm cười. Phật bảo: "Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, thực tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập văn tự, đặc biệt truyền ngoài giáo lý, giao phó cho Ma Ha Ca Diếp." Phật còn đưa áo Tăng-già-lê vàng cho Tôn giả mà dặn rằng: "Hãy chuyển lại cho đức Phật Từ Thị." Tôn giả đáp lễ nói: "Xin vâng lời Phật dạy." Về sau, Tôn giả truyền pháp cho A Nan rồi mang tấm áo Tăng-già-lê đi vào núi Kê Túc nhập định, chờ ngày đức Phật Từ Thị hạ sanh.

Tán

Phá nhan vi tiếu
Đề hồ độc dược
Kim lan cà-sa
Hà xứ an trước?
Truyền cá thập ma?
Tương thổ tựu thổ

Dịch :

Mặt nở mỉm cười
Đề hồ thuốc độc
Cà-sa sợi vàng
Cất ở nơi nao?
Truyền lại cái gì?
Từ sai đến sai

Ương họa nhi tôn

Gieo họa con cháu

Quy mao thổ giác

*Lông rùa sừng thỏ***Kệ**

Linh sơn niêm hoa truyền tâm ấn

Phá nhan vi tiểu trực thừa đương

Tổ Tổ pháp đăng chiếu sa giới

Tăng Tăng huệ mạng mãn đại thiên

Kim sắc đầu-đà cà-sa tràng

Di Lạc Tôn Phật tục thánh thiên

Ma Ha Ca Diếp công huân đại

Tận vị lai tế ân vô biên

Dịch :

Linh sơn niêm hoa truyền tâm ấn

Nở mặt mỉm cười tự đảm đương

Đền Pháp lan truyền Hạng sa giới

Huệ mạng Tăng-già khắp đại thiên

Cà-sa cờ pháp khởi đầu-đà

Di Lạc nổi theo đường thiên thánh

Ma Ha Ca Diếp công lao lớn

Đến tận vị lai ơn vô biên

Giảng:

Tôn giả : Hai chữ này chỉ Ma Ha Ca Diếp. "Ma Ha" nghĩa là lớn, nên người ta còn gọi Tôn giả là Đại Ca Diếp. Hiện nay Tôn giả vẫn còn sống trên thế gian đó! Ngài vào núi Kê Túc ở Vân Nam nhập định, chờ ngày đức Di Lạc hạ sanh, đăng có thể truyền lại tấm áo cà-sa vàng cho Phật Di Lạc. Áo này nguyên là của chư Phật truyền lại cho nhau, nên đó là lý do Tôn giả vẫn còn sống để chờ ngày ra đời của vị Phật tương lai. Vậy là tính từ ngày ấy đến nay trải qua 2, 3 ngàn năm, Tôn giả hãy còn nhập định trong núi Kê Túc đó!

Bổn Ma Kiệt Đà quốc nhân, xuất Ba-la-môn thị : Ma Kiệt Đà là tên một nước trong xứ Ấn Độ thuở xưa và là nơi mà Tôn giả ra đời trong một gia đình thuộc dòng Bà La Môn. Dân Ấn phân ra thành 4 giai cấp và Bà La Môn là giai cấp tôn quý nhất.

Kỳ hình kim sắc : Thân hình của Tôn giả sáng rực hào quang, át hết các thứ ánh sáng khác và dường như hào quang đó có khả năng hút trọn mọi nguồn sáng khác. Bất kể là thuộc nguồn sáng nào, ánh đèn, ánh mặt trời, mặt trăng, ánh sao v.v. hể đến gần Tôn giả thì đều bị lu mờ hết! Bởi vậy Ngài còn được tôn xưng là "Ấm Quang Thị", người uống ánh sáng. Nguyên do nào mà có hiện tượng đó?

Thuở xa xưa, sau thời đức Phật Tỳ Bà Thi nhập diệt, có một ngôi chùa đổ nát kia, tháp thì nghiêng sụp, tượng Phật thì phơi lộ ra, mặc sức cho nắng mưa vui dập. Lúc ấy có một cô gái nghèo, trông thấy cảnh chùa tang thương như vậy lấy làm xót xa mới lập nguyện xây chùa và giát vàng tượng Phật. Nhưng, trước cảnh nhà bần cùng, cô gái bèn đi các nơi xin cơm hóa duyên để lấy tiền mua vàng. Trải qua mười năm hóa duyên như vậy, thấy số vàng dành dụm được có thể xây được chùa và trang nghiêm tượng Phật, cô gái đi kiếm một ông thợ có nghề làm vàng, để nhờ ông ta giát vàng tượng Phật. Trước lòng chí thành của cô gái này, người thợ vàng dần thấy hảo cảm với nàng và từ đó sẵn sàng bỏ công sức trang nghiêm tượng Phật mà không đòi tiền công phí nữa. Khi công tác hoàn thành, người thợ vàng cầu hôn với nàng rồi cả hai phát nguyện đời đời kết nghĩa vợ chồng, cùng rủ nhau tu, quy y Tam Bảo xuất gia liễu đạo.

Tôn giả Đại Ca Diếp chính là người thợ vàng năm xưa, tuy sống trong cảnh nghèo nàn mà biết phát tâm trang nghiêm tượng Phật, cho nên về sau, đời đời kiếp kiếp cả hai vợ chồng – Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang là tên hiệu của người vợ khi xuất gia – đều có thân hình một màu vàng sáng.

Kiến Phật xuất gia, ký độ chư hữu: Vào thời gian đức Thích Ca ra đời thì Tôn giả Ca Diếp đương là một vị trưởng lão ngoại đạo, có rất đông các đệ tử tin theo. Khi gặp Phật, Tôn giả tự nhận thấy mình lầm đường, bèn xin báỉ Phật làm thầy, mặc dầu khi ấy Tôn giả đã hơn 120 tuổi đời, sau đó Tôn giả xuất gia theo Phật, mong được độ hết thảy các chúng sanh.

Phật ư chúng trung xưng vi đệ nhất: Trước mặt đại chúng Phật tôn xưng Ma Ha Ca Diếp là đại đệ tử bậc nhất.

Nhất nhật, Phật ư Linh sơn hội thượng niêm xuất nhất chi kim sắc bát-la hoa thị chúng: Một hôm tại núi Linh Thứu, Phật cầm một bông hoa bát-la màu vàng ngược nhìn mọi người.

Thời đại chúng mặc nhiên: Lúc bấy giờ chẳng ai biết đây là ý nghĩa gì, không biết nói ra sao cho phải, nên tất cả đều lặng yên.

Duy Tôn giả phá nhan vi tiếu: Duy có một mình Tôn giả là mỉm cười. Dung mạo của Tôn giả vốn là trang nghiêm, cử chỉ thì trịnh trọng, vậy mà ngay khi ấy, nét mặt Tôn giả lại rạng ra tươi cười (phá nhan).

Phật viết: “Ngô hữu Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, phó chúc Ma Ha Ca Diếp.”: Thấy Tôn giả mỉm cười, Phật bảo: “Nay ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, đó là tâm nhiệm mầu của Niết-bàn, chẳng sanh, chẳng diệt, các vị nghĩ thế nào? Nó có hình tướng gì chăng? Không, nó là vô tướng; Các vị bảo nó chẳng có tướng gì ư? Nó lại có hình tướng đó! Cho nên thực tướng là vô tướng, chẳng chỗ nào là chẳng tướng. Đó là một pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, văn tự không thể tả ra được. Loại pháp môn mà nay ta chỉ dạy các vị là một thứ đặc biệt truyền thọ ngoài giáo điển và pháp môn đó ta đã truyền cho Ma Ha Ca Diếp rồi!”

Phục dĩ kim lữ Tăng-già-lê chúc viết: “Chuyển thọ đương lai Từ Thị Phật”: Tăng-già-lê tức là áo cà-sa. Phật lại đưa cho Tôn giả tấm áo cà-sa của Phật mà nói rằng : “Ông hãy giữ gìn tấm áo này đặng ngày sau giao lại cho Phật Từ Thị hay Phật Di Lặc, tức là vị Phật tương lai”.

Tôn giả tác lễ viết: “Cung y Phật sắc”: Tôn giả Ma Ha Ca Diếp liền đánh lễ Phật và thưa rằng : “Con xin cung kính tuân hành lời dạy của Phật và xin hết lòng gìn giữ áo cà-sa này”

Hậu Tôn giả dĩ pháp chuyển phó A Nan: Về sau, Tôn giả truyền lại pháp ấn này, tức Chánh Pháp Nhãn Tạng lại cho Tôn giả A Nan (**Chú 1**); **tức trì Tăng-già-lê nhập Kê Túc sơn nhập định:** Tôn giả Ma Ha Ca Diếp mang áo Tăng-già-lê đi vào núi Kê Túc nhập định. Núi Kê Túc thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Hoa; **dĩ si Từ Thị hạ sanh:** để chờ ngày đức Phật Di Lặc ra đời.

Bài Tán

Phá nhan vi tiếu

Đề hồ độc dược

Kim lan cà-sa

Hà xứ an trước?

Truyền cá thập ma?

Tương thổ tự thổ

Ương họa nhi tôn

Quy mao thổ giác

Phá nhan vi tiếu, đề hồ độc dược: Đức Phật cầm bông hoa, nhìn đại chúng, Tôn giả rạng nét mặt mỉm cười. Đề hồ vốn là một thứ sữa tuyệt diệu, nhưng chúng sanh thấy nó là thuốc độc.

Kim lan cà-sa, hà xứ an trước?: Tắm áo cà-sa vàng đó, để ở nơi nào? Áo cà-sa vàng để tại Vân Nam.

Truyền cá thập ma? tương thổ tựu thổ: Nói là truyền, rốt ráo là truyền cái gì? Thật ra thì chẳng có cái gì hết, có chăng chỉ là hình thức vậy thôi. Số là chúng sanh có chỗ chấp trước, do đó mà chấp vào sự truyền giao một thứ gì đó, bởi vậy mới là “tương thổ tựu thổ”, từ sai đến sai.

Ương họa nhi tôn, quy mao thổ giác: Cũng vì lý do đó mà đời sau mới nảy sanh sự tranh chấp y bát. Đạo vốn không tranh, vậy mà họ tranh nhau để giao họa cho con cháu về sau. Còn như chân chánh hiểu được pháp đó thì là nhiều hay ít vậy? Điều này có thể ví như lông rùa và sừng thỏ. Rùa đen thì không có lông, thỏ thì không có sừng, nói trắng ra hoàn toàn không có gì cả.

Bài Kệ

Linh sơn niêm hoa truyền tâm ấn
 Phá nham vi tiểu trực thừa đương
 Tổ tổ pháp đăng chiếu sa giới
 Tăng tăng huệ mạng mãn đại thiên
 Kim sắc đầu-đà cà-sa tràng
 Di Lặc tôn Phật tục thánh điền
 Ma Ha Ca Diếp công huân đại
 Tận vị lai tế ân vô biên

Nay tôi có mấy câu kệ tụng mới làm để tôi giảng cho quý vị nghe :

Linh sơn niêm hoa truyền tâm ấn: Câu này nói tới hội Linh Sơn khi đức Phật Thích Ca cầm một bông hoa lên truyền tâm ấn. Đây chẳng phải là một hành động tùy tiện, mà là một sự biểu hiện pháp của đức Phật, thử xem trong đại chúng có ai hiểu ý gì không? Lúc ấy chẳng ai hiểu được ý nghĩa vi diệu này.

Phá nham vi tiểu trực thừa đương: Duy có Tôn giả Ca Diếp là nở mặt mỉm cười, tỏ bày ý nguyện gánh vác việc giao phó, tức là đảm đương trách nhiệm lưu truyền dòng pháp cho đời sau. Tôn giả hiểu ngay như vậy, đó là ý nghĩa của chữ “trực thừa đương”.

Tổ Tổ pháp đăng chiếu sa giới: Các Tổ sư truyền y bát cho nhau, lấy tâm ấn tâm, đó là nghĩa lưu truyền dòng pháp hay giữ cho ngọn đèn pháp không bị tắt (pháp đăng bất diệt). Ngọn đèn tuy là nhỏ nhưng ánh sáng lại truyền xa, thế giới nào cũng tới cả, nhiều như số cát sông Hằng vậy.

Tăng Tăng huệ mạng mãn đại thiên: Huệ mạng của Tăng cũng là huệ mạng Phật, cũng là huệ mạng Pháp. Mỗi vị Tăng mang đủ huệ mạng của Phật, Pháp, Tăng, nên Phật pháp ở khắp mọi nơi, cùng khắp đại thiên thể giới.

Kim sắc đầu-đà cà-sa tràng: Nói kim sắc đầu-đà là chỉ Tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Ngài gìn giữ tắm áo cà-sa, dựng cờ pháp, để chờ ngày giao áo đó cho đức Phật tương lai là tôn Phật Di Lặc.

Di Lặc tôn Phật tục thánh điền: Đức Phật hạ sanh trong tương lai là Ngài Di Lặc sẽ tiếp tục công tác hành trì cùng một thứ đạo của chư Phật (chư Phật đạo đồng).

Ma Ha Ca Diếp công huân đại: Đối với Phật pháp thì công lao của Tôn giả Ma Ha Ca Diếp thật là lớn lao, không ai sánh bằng. Chính đức Phật cũng đã công khai gọi Tôn giả là một đại đệ tử bậc nhất.

Tận vị lai tế ân vô biên: Ôn đức của Tôn giả thiết là vô cùng lớn lao, không thước nào đo được, cho nên chúng ta là đệ tử của Phật, là giáo đồ của Phật trong tương lai không làm sao có thể báo đáp lại cho vừa.

(Thượng nhân Tuyên Hóa giảng ngày 15 tháng 10 năm 1983)

Chú Thích (1): Xem “Cảnh Đức Truyền Đăng Lục” quyển 1

. . . Kinh Niết Bàn nói: Lúc ấy đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả Ca Diếp không có mặt trong hội chúng. Phật bảo các đại đệ tử: “Khi nào Ca Diếp đến, dặn Ca Diếp tuyên dương Chánh Pháp Nhãn Tạng.” Lúc bấy giờ Tôn giả đương ở trong hang Tân-bát-la, núi Kỳ-xà-quật, thấy một nguồn sáng rực, tức thời vào định, dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy đức Thế Tôn nhập Niết-bàn ở bên sông Hy Liên. Tôn giả bảo các đồ chúng : “Như Lai vào Niết-bàn, mau quá vậy thay!” Tôn giả liền đi đến nơi hai cây, khóc rất là bi thiết. Nằm trong kim quan Phật đuổi hai bàn chân ra cho thấy. Lúc ấy Tôn giả bảo các Tỳ Kheo rằng : “Đức Phật đã trà-tỳ, xá lợi kim cương chẳng phải việc của chúng ta; việc chúng ta là kết tập pháp nhãn, không để cho nó bị tuyệt.” Tôn giả nói bài kệ rằng:

Đệ tử Như Lai
Chớ vội Niết-bàn
Người có thần thông
Phải đến kết tập.

Như vậy tất cả những ai đã chứng thần thông đều tới thành Vương Xá, núi Kỳ-xà-quật, tụ tập trong hang Tân-bát-la... Lúc đầu vì chưa sạch các lậu, nên Tôn giả A Nan không được dự hội, nhưng sau đó thì chứng được quả A-la-hán nên mới được vào dự. Tôn giả Ca Diếp bèn nói trước đại chúng : “Đây Tỳ Kheo A Nan, người được nghe nhiều, ghi nhớ hết, có trí huệ lớn, luôn luôn theo Như Lai, phạm hạnh thanh tịnh, Phật pháp nghe được như nước rót vào bình không rơi rớt, Phật từng khen ngợi là thông tuệ bậc nhất, nghĩ nên mời A Nan kết tập tạng Tu-đa-la.” Đại chúng lặng yên. Tôn giả Ca Diếp nói với Tôn giả A Nan: “Nay ông hãy tuyên pháp nhãn.” Tôn giả A Nan nói xin nghe lời, quan sát lòng đại chúng rồi nói kệ như sau:

Tỳ Kheo các quyển thuộc
Vắng Phật chẳng trang nghiêm
Ví như trên không trung
Bầy sao thiếu vắng nguyệt.

Nói xong bài kệ, Tôn giả làm lễ các chúng tăng rồi bước lên pháp tòa, nói: “Tôi nghe như vậy, có một thời đức Phật tại nơi đó, thuyết giảng Kinh đó... cho đến trời, người làm lễ phụng hành.” Tôn giả Ca Diếp hỏi các Tỳ Kheo: “Những điều ông Tôn giả A Nan nói có đúng hay không?” Tất cả đều đáp rằng: “Không sai những gì đức Thế Tôn đã dạy.” Tôn giả Ca Diếp nói với Đức A Nan: “Ta chẳng ở đây lâu, nay ta giao phó Chánh Pháp Nhãn Tạng cho ông, ông phải khéo gìn giữ. Hãy nghe ta nói bài kệ:

Các pháp xưa nay pháp	Pháp pháp bốn lai pháp
Không pháp không phi pháp	Vô pháp vô phi pháp
Tại sao trong một pháp	Hà ư nhất pháp trung
Có pháp, có phi pháp?	Hữu pháp hữu bất pháp?

Hư Vân Hòa Thượng Hòa Truyền

#52. Phong Cơ Thoại Đầu Là Đây

Ngài [Hư Vân] mới hỏi đường lên núi Ngũ Đài. Người hành khất đáp: "Từ Mạnh Huyện đi tới Đại Châu, qua Nga Khẩu. Tại đây có một vị Tăng là Thanh Nhất tu trong động Bí Ma, giữ giới rất nghiêm mật."

Ngài hỏi: "Đường đi bao xa?" Đáp: "Hai ngàn dặm."

Khi trời sáng, người hành khất lấy tuyết để nấu cháo, rồi chỉ vào trong nồi và hỏi Ngài: "Ở Nam Hải có cái này không?"

Ngài đáp: "Không có."

- Vậy uống cái gì?

- Uống nước.

Khi đó tuyết trong nồi vừa tan và người hành khất lại chỉ vào nồi hỏi tiếp: "Cái đó là thứ gì?"

Ngài lặng thinh, không biết đáp ra sao.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên Hóa:

"Nam Hải giá cá hữu dã vô?"

Sở ngật hà vật, thủy duyên thực,

Phục vấn: "Thủy thị hà vật dã?"

Công nan ứng đối ngữ mặc như

Nghĩa là:

"Cái này Nam Hải có hay không?"

Cái đó thì không, uống nước thôi!

"Cái gì trong ấy tan ra đó?"

Chẳng nước là gì, đáp chẳng xuôi.



Dharma Realm Buddhist Association

11455 Clayton Rd.,

San Jose, CA 95127, USA

Tel. (408) 923-7243 Fax. (408) 923-1064

E-mail: bodehai@yahoo.com

www.dharmasite.net/bodehai

www.dharmasite.net/khaithi

www.chuavanphat.org

www.bttsonline.org

www.cttbusa.org

www.drba.org

Non-Profit Org.
U.S. Postage
PAID
Permit No. 34
Sunnyvale, CA

To: _____

* Bồ Đề Hải phát hành 3 tháng một lần. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association. Chi phiếu hỗ trợ công đức ấn hành, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.